

Bản số: 22 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hoàn
2. Bà Nguyễn Thanh Tỷ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2022/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1987

Trú tại: Xóm T, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T1 kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm T, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 chơi bời, hay bỏ nhà đi, nên chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được tình cảm nên vợ chồng đã quyết định sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Chị T xác định mâu

thuần vợ chồng đã trầm T1, tình cảm vợ chồng không còn nên kiến quyết xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức T2, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Lâm V, sinh ngày 31/7/2012. Hiện con T2 đang ở với bố, còn con V đang ở với tôi. Sau vợ chồng ly hôn có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Lâm V, anh T1 trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức T2 tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con do hai bên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức T1 trình bày: Về thời điểm kết hôn đúng như chị T trình bày, tuy nhiên anh xác định mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Tuy vợ chồng đã tự hoà giải nhưng không thành, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh T1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức T2, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Lâm V, sinh ngày 31/7/2012. Hiện con T2 đang ở với tôi, còn con V đang ở với chị T. Sau ly hôn vợ chồng có thoả thuận nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Lâm V, anh T1 trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức T2.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên toà án không xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và tổng đạt hợp lệ cho anh T1 nhưng anh đều vắng mặt. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T1 đề nghị toà án xét xử vắng mặt do anh bận công việc không thể T xếp để tham gia phiên toà được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình bị đơn Hộ khẩu thường trú tại: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn Đức T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Đức T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, chị T trình bày vợ chồng sống không hạnh phúc do anh T1 mãi chơi, không quan tâm đến vợ con nên chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Anh T1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã tự hoà giải nhưng không thành, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh T1 cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức T2, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Lâm V, sinh ngày 31/7/2012. Hiện con T2 đang ở với bố, còn con V đang ở với chị T. Sau ly hôn vợ chồng có thỏa thuận nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Lâm V, anh T1 trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức T2. Anh T1, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1 và chị T do các đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Ngô Thị T, cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Đức T2, sinh ngày 12/12/2010 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao con Nguyễn Lâm V, sinh ngày 31/7/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên do không có yêu cầu. Anh T1, chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số 0005349 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Ngô Thị T báo cho biết có quyền kháng cáo bản án T1 hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh và huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã V, Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**I/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

